TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NGẠN
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Bản án số: 23 /2020/DS - ST
Ngày: 06/9/2020
Về việc:"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phan Văn Thể.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Giáp Văn Phẩm.
2. Ông Ngô Đức Thuỷ.

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ca - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Bảo - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2020/TLST-DS ngày 18 tháng 5 năm 2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2020/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Ông Vi Văn M (tức Vi Ngọc M) – Sinh năm 1966 (có mặt).

Trú quán: Thôn H, xã CS, huyện LNg, tỉnh BG.

* Bị đơn: Bà Trần Thị M - sinh năm 1971 (vắng mặt).

Trú quán: Thôn TV, xã TH, huyện LNg, tỉnh BG.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Giáp Văn L, sinh năm 1968 (vắng mặt).

Trú quán: Thôn TV, xã TH, huyện LNg, tỉnh BG.

2. Bà Nông Thị B, sinh năm 1967 - Uỷ quyền cho ông Vi Văn M (tức Vi Ngọc M) – Sinh năm 1966 (có mặt).

Cùng trú quán: Thôn H, xã CS, huyện LNg, tỉnh BG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/5/2020 và bản tự khai ông Vi Văn M trình bày: Ngày 26/7/2014 âm lịch ông có cho bà Trần Thị M, sinh năm 1971, trú tại: Thôn TV, xã TH, huyện LNg, tỉnh BG vay số tiền L 160.000.000 đồng, mục đích vay sử dụng vào việc gì ông không biết. Hai bên cũng không thỏa thuận về lãi suất và thời hạn thanh toán chỉ nói miệng với nhau L khi nào ông cần thì ông đòi bà M phải có trách nhiệm thanh toán trả ông số tiền đã vay. Số tiền mà bà M vay của ông và vợ ông L bà Nông Thị B, sinh năm 1967, trú tại: Thôn H, xã CS, huyện LNg, tỉnh BG nhưng khi đưa tiền cho bà M thì ông trực tiếp đưa tiền cho bà M, vợ ông không biết, bà M đã ký họ tên vào giấy vay tiền. Sau đó ông có nói lại việc cho bà M vay tiền cho vợ ông biết. Sau khi cho bà M vay số tiền trên, đến khi ông cần dùng vào việc gia đình ông đã nhiều lần đòi bà Trần Thị M nhưng bà M không trả, đến nay vẫn chưa thanh toán cho ông được đồng nào. Ông Lm đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn giải quyết buộc bà Trần Thị M phải thanh toán cho ông số tiền gốc đã vay L 160.000.000 đồng, ông không yêu cầu tính lãi.

Tại bản tự khai ngày 21/5/2020 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nông Thị B trình bày: Ngày 26/7/2014 âm lịch chồng bà L ông Vi Văn M (tức Vi Ngọc M) có cho bà Trần Thị M, sinh năm 1971, trú tại: TV, xã TH, huyện LNg, tỉnh BG vay số tiền L 160.000.000 đồng. Mục đích vay sử dụng vào việc gì bà không biết vì chồng bà L người trao đổi và giao dịch với bà M. Sau khi cho vay thì chồng bà có nói lại cho bà được biết L cho bà M vay số tiền trên vì số tiền đó L tiền chung của vợ chồng bà. Chồng bà có nói lại với bà L cho bà M vay không yêu cầu tính lãi, khi nào vợ chồng bà cần thì sẽ yêu cầu bà M trả lại vợ chồng bà số tiền bà M đã vay. Nhưng đến nay, vợ chồng bà có việc phải sử dụng đến tiền, chồng bà đã đòi bà M nhiều lần nhưng bà M không trả, đến nay vẫn chưa trả cho vợ chồng bà đồng nào. Bà đề nghị Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn giải quyết buộc bà Trần Thị M phải trả cho vợ chồng bà số tiền đã vay L 160.000.000 đồng.

Bị đơn L bà Trần Thị M và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan L ông Giáp Văn L vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do. Đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải. Kết quả phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ. Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà M, ông L không cung cấp văn bản ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của ông M cũng không tham dự phiên họp, phiên hòa giải nên Tòa án không thu thập lời khai, ý kiến của bà M, ông L về yêu cầu của ông M được.

Tại biên bản xác M ngày 05/6/2020 Ngô Văn Quyền – Phó trưởng Công an xã TH cho biết: Hiện tại ông Giáp Văn L, bà Trần Thị M còn đăng kí hộ khẩu thường trú tại thôn TV, xã TH, huyện LNg, tỉnh BG, chưa tách khẩu, chuyển khẩu đi nơi khác. Tuy nhiên, ông L bà M thường xuyên không có mặt tại địa phương. Ông L, bà M đi đâu, Lm gì địa phương cũng không nắm được do ông L, bà M không khai báo.

Tại phiên tòa ngày hôm nay ông Vi Văn M vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn giải quyết buộc bà Trần Thị M phải trả cho ông và bà Nông Thị B số tiền L 160.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

Tại phiên toà bà Trần Thị M và ông Giáp Văn L vắng mặt.

Tại phiên toà Đại diện Viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án và của các đương sự. Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng, xác định đúng thẩm quyền, quan hệ pháp luật, thu thập chứng cứ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử thực hiện đúng nguyên tắc, trình tự tố tụng dân sự. Ông Vi Văn M và bà Nông Thị B đã chấp hành đúng các quy định về quyền, nghĩa vụ của mình quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bà Trần Thị M và ông Giáp Văn L chưa chấp hành quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ vào các Điều 463, Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ các Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147, Điều 200, Điều 271, 273, 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 ; Điều 6 ; Điều 26 ; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vi Văn M: Buộc bà Trần Thị M phải có trách nhiệm thanh toán cho ông Vi Văn M và bà Nông Thị B số tiền L 160.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi triệu đồng).

2. Về án phí: Buộc bà Trần Thị M phải chịu 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Vi Văn M số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) số tiền tạm ứng án phí ông M đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0001295 ngày 18/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngày 26/7/2014 âm lịch ông Vi Văn M cho bà Trần Thị M, sinh năm 1971, trú tại: TV, xã TH, huyện LNg, tỉnh BG vay số tiền L 160.000.000 đồng, mục đích vay sử dụng vào việc gì ông không biết, chỉ thỏa thuận miệng bao giờ ông M cần dùng thì bà M phải có trách nhiệm thanh toán. Sau khi cho bà M vay số tiền trên, đến khi ông M cần dùng vào việc gia đình, ông đã nhiều lần đòi bà Trần Thị M nhưng bà M không trả, đến nay vẫn chưa thanh toán cho ông M được đồng nào. Ông Vi Văn M Lm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn giải quyết buộc bà Trần Thị M phải thanh toán cho ông số tiền gốc đã vay L 160.000.000 đồng, ông không yêu cầu tính lãi. Do vậy đây L quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên toà, ông Giáp Văn L và bà Trần Thị M vắng mặt, Toà án đã tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho ông L, bà M theo quy định của pháp luật nhưng ông L, bà M vẫn vắng mặt lần thứ hai. Do vậy, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Xét hợp đồng vay tài sản giữa ông Vi Văn M với bà Trần Thị M thì thấy: Việc vay mượn đã được bà Trần Thị M tự tay viết ra giấy trên cơ sở tự nguyện, có ký tên, vì vậy hợp đồng vay tài sản giữa ông Vi Văn M với bà Trần Thị M ngày 26/7/2014 (Âm lịch) L hoàn toàn phù hợp với quy định pháp luật.

[3] Xét yêu cầu, lời trình bày của các đương sự Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ vào giấy vay nợ ngày 26/7/2014 (Âm lịch) ông Vi Văn M khởi kiện đòi bà M số tiền L 160.000.000 triệu đồng. Hội đồng xét xử xét thấy như nhận định ở trên, hợp đồng vay tài sản giữa ông Vi Văn M với bà Trần Thị M L hợp pháp, có chữ ký của bà M. Sau khi thụ lý vụ án, bà M không trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông Vi Văn M. Do vậy, căn cứ vào giấy vay tiền do nguyên đơn cung cấp, đủ căn cứ xác định bà M có vay của ông Vi Văn M số tiền L 160.000.000 đồng theo như hợp đồng vay tài sản đã ký kết. Do trong giấy vay tiền không thể hiện việc ông Giáp Văn L có ký kết vay mượn, hơn nữa ông Vi Văn M khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị M phải trả cho ông số tiền L 160.000.000

đồng, do vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vi Văn M: Buộc bà Trần Thị M phải trả cho ông Vi Văn M và bà Nông Thị B số tiền L 160.000.000 đồng.

[4] Về án phí: Đơn khởi kiện của ông Vi Văn M được chấp nhận, nên cần hoàn trả cho ông M số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn. Bà Trần Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

**** Vì các lẽ trên:***

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ các Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147, Điều 227, Điều 271, 273, 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6; Điều 26; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vi Văn M (tức Vi Ngọc M): Buộc bà Trần Thị M phải có trách nhiệm thanh toán cho ông Vi Văn M (tức Vi Ngọc M) và bà Nông Thị B số tiền L 160.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi triệu đồng).

2. Về án phí: Buộc bà Trần Thị M phải chịu 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Vi Văn M số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) tiền tạm ứng án phí ông M đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0001295 ngày 18/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, đến thời hạn thanh toán, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành án hoặc thi hành án không đầy đủ thì phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tiền trên số tiền chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 của Luật

thi hành án dân sự: thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án.

- Nơi nhận:
- Toà án ND tỉnh Bắc Giang;
- Viện kiểm sát tỉnh Bắc Giang;
- Viện kiểm sát ND huyện Lục Ngạn;
- các đương sự;
- Chi cục THA huyện Lục Ngạn;
- Lưu HS.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Phan Văn Thể